



**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IFC**  
AVINA-IFC TAX CONSULTANCY, AUDITING & ACCOUNTING CO.,LTD

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**

**CÔNG TY TNHH MTV  
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**AVINAIAFC**  
professional & quality

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31



# CÔNG TY TNHH MTV PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp ( nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.188.000.0000 đồng ( Hai nghìn một trăm tám mươi tám tỷ đồng)

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Phan Văn Tiên	Chủ tịch
	Ông Đỗ Doãn Hùng	Thành viên
	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Minh	Thành viên (đến ngày 17/12/2014)
	Ông Đỗ Minh Sơn	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đỗ Doãn Hùng	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Ninh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Lương Thị Anh Đào	Kiểm soát viên
	Ông Nguyễn Tổng Luận	Kiểm soát viên
	Ông Nguyễn Văn Đông	Kiểm soát viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Doãn Hùng - Tổng Giám đốc Công ty

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

## **PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 31. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Doãn Hùng**  
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

## **PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 31. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

**Đỗ Doãn Hùng**  
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam  
Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

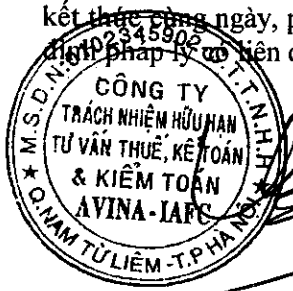
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quốc Hùng  
Giám đốc  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0295-2013-146-1  
Thay mặt và đại diện  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Lại Văn Hùng  
Kiểm toán viên  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0907-2013-146-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.251.705.894.909</b>	<b>1.546.809.146.569</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>647.943.997.112</b>	<b>981.416.861.009</b>
1. Tiền	111		35.332.997.112	63.805.861.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		612.611.000.000	917.611.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>10.811.111.111</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.811.111.111	10.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>188.123.860.608</b>	<b>69.985.115.211</b>
1. Phải thu khách hàng	131		150.701.290.179	24.959.216.191
2. Trả trước cho người bán	132		9.119.385.863	33.327.651.773
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		771.859.324	689.590.411
4. Các khoản phải thu khác	135	<b>5</b>	27.689.819.742	11.167.151.336
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(158.494.500)	(158.494.500)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>323.535.760.015</b>	<b>441.523.407.054</b>
1. Hàng tồn kho	141		323.535.760.015	441.523.407.054
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>81.291.166.063</b>	<b>43.883.763.295</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.371.615.254	1.368.646.087
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		79.887.529.689	42.513.265.408
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.021.120	1.851.800
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.320.251.077.800</b>	<b>6.644.813.309.790</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.253.731.883.914</b>	<b>6.560.695.255.465</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	56.857.456.507	43.784.562.772
- Nguyên giá	222		872.897.519.901	898.961.728.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(816.040.063.394)	(855.177.165.239)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	-	1.448.614.445
- Nguyên giá	228		2.872.775.000	6.764.575.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.872.775.000)	(5.315.960.555)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	8.196.874.427.407	6.515.462.078.248
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>66.042.352.409</b>	<b>81.178.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		54.230.000.000	54.230.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.069.060.000	3.420.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	23.528.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài	259		(256.707.591)	-
<b>III- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>476.841.477</b>	<b>2.939.554.325</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	476.841.477	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>12</b>	-	2.939.554.325
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.571.956.972.709</b>	<b>8.191.622.456.359</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND  
**01/01/2014**  
**VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.349.526.914.561</b>	<b>6.188.331.037.758</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.149.102.798.881</b>	<b>639.403.272.242</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	547.521.392.000	45.269.472.000
2. Phải trả người bán	312		370.414.914.071	236.812.091.815
3. Người mua trả tiền trước	313		2.853.706.214	26.421.789.076
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	14.373.471.063	18.549.123.436
5. Phải trả người lao động	315		101.252.967.466	85.477.023.942
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	15	42.510.617.101	154.255.381.647
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		70.175.730.966	72.618.390.326
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.200.424.115.680</b>	<b>5.548.927.765.516</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		47.516.786.977	43.450.308.562
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	6.107.706.356.220	5.411.724.896.310
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		45.200.972.483	93.752.560.644
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.222.430.058.148</b>	<b>2.003.291.418.601</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>2.222.430.058.148</b>	<b>2.003.291.418.601</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.188.000.000.000	1.113.580.694.225
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.823.754.848	887.527.196.296
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.606.303.300	-
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	2.183.528.080
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.571.956.972.709</b>	<b>8.191.622.456.359</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ,	002		758.735.733	
2. Nợ khó đòi đã xử lý	004		3.216.004.029	3.216.004.029
3. Ngoại tệ các loại	005			
Đô la Mỹ			77.104,89	314.556,66



*Nguyễn Thu Nga*

**Nguyễn Thu Nga**

**Người lập biểu**

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

*Hà Xuân Hán*

**Hà Xuân Hán**

**Kế toán trưởng**

*Đỗ Doãn Hùng*

**Đỗ Doãn Hùng**

**Tổng Giám đốc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND  
 Năm 2013  
 VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	
			VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.813.696.071.245	1.842.435.022.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.813.696.071.245	1.842.435.022.499
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.610.226.828.954	1.507.981.563.330
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>203.469.242.291</b>	<b>334.453.459.169</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	70.077.655.892	110.875.164.721
7. Chi phí tài chính	22	22	64.368.537.227	25.591.827.131
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.775.454.775	619.437.205
8. Chi phí bán hàng	24		22.384.339.632	16.544.780.005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		106.636.510.999	102.872.831.512
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>80.157.510.325</b>	<b>300.319.185.242</b>
11. Thu nhập khác	31		89.541.003.786	7.293.010.760
12. Chi phí khác	32		33.905.618.172	6.638.121.556
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>55.635.385.614</b>	<b>654.889.204</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>135.792.895.939</b>	<b>300.974.074.446</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	27.498.997.282	73.327.194.788
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	2.939.554.325	489.925.720
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>105.354.344.332</b>	<b>227.156.953.938</b>



Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng

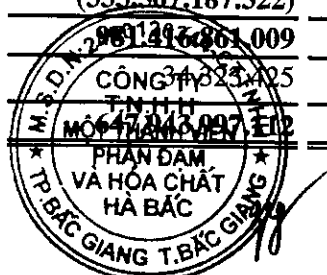
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	135.792.895.939	300.974.074.446
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.136.978.555	35.814.899.984
- Các khoản dự phòng	03	256.707.591	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04	42.416.672.747	24.972.389.926
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.441.130.033)	(61.527.615.050)
- Chi phí lãi vay	06	7.775.454.775	619.437.205
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	169.937.579.574	300.853.186.511
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(155.543.178.998)	252.137.354.991
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	117.987.647.039	19.812.629.744
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi	11	162.369.758.496	492.045.910.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(479.810.644)	3.092.853.187
- Tiền lãi vay đã trả	13	(491.446.579.784)	(226.237.726.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.134.918.074)	(93.972.032.386)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	14.383.712.132	9.600.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(50.955.868.606)	(53.409.617.723)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(262.881.658.865)</b>	<b>694.332.158.641</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(1.681.412.349.159)	(5.074.593.381.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		597.230.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	(68.000.000)	(318.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	305.068.000.000	308.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(25.670.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.345.145.103	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	47.204.793.203	106.806.624.921
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(1.303.862.410.853)</b>	<b>(5.002.859.526.337)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	35.003.502.486	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.241.243.251.910	4.092.255.310.345
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.009.872.000)	(45.269.472.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(180.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>1.233.236.882.396</b>	<b>3.866.985.838.345</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(333.507.187.322)</b>	<b>(441.541.529.351)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>981.416.861.009</b>	<b>1.422.803.918.744</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	47.243.205	154.471.616
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>981.416.861.009</b>	<b>981.416.861.009</b>



*Nguyễn Thu Nga*

Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

*Hà Xuân Hán*

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.188.000.0000 đồng ( Hai nghìn một trăm tám mươi tám tỷ đồng)

Số lượng lao động bình quân của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.863 người

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty :**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 10 năm 2014, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm urê;
- Sản xuất, mua bán phân hỗn hợp NPK;
- Sản xuất, mua bán hóa chất cơ bản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối trong phạm vi Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quản lý có cấp điện áp từ 35Kv trở xuống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp Các bon đi ô xít ( lỏng, rắn);
- Mua bán phân đạm U rê, phân hỗn hợp, NPK, hóa chất cơ bản, NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, Các bon đi ô xít; Các sản phẩm hóa chất và phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: sản xuất mua bán hàng cơ khí)
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón./.

**Công ty con**

Tên	Trụ sở
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	64,56%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	64,56%

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )*

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính "Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp". Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phạt phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích cố định tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**Chi phí khác:**

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được điều chỉnh theo phê duyệt quyết toán hàng năm của Tập đoàn.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty đang phân phối lợi nhuận theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.767.101.029	2.115.129.011
Tiền gửi ngân hàng	32.565.896.083	61.690.731.998
Các khoản tương đương tiền	612.611.000.000	917.611.000.000
<b>Cộng</b>	<b>647.943.997.112</b>	<b>981.416.861.009</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác		
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	10.811.111.111	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.811.111.111</b>	<b>10.000.000.000</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	27.689.819.742	11.167.151.336
<i>Tiền điện chưa viết Hóa đơn</i>		325.121.855
<i>Thuế TN cá nhân</i>	486.100.656	562.220.771
<i>Lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12</i>	1.866.415.726	4.068.539.800
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	860.150.135	
<i>Ngân hàng Sài Gòn CN Bắc Ninh</i>		
<i>Điều chỉnh theo KTNN - Công ty</i>	1.941.317.015	
<i>Điều chỉnh theo KTNN</i>	15.750.703.242	
<i>Thuế nhà thầu của BQL Dự án</i>	-	3.444.297.388
<i>Chi phí đền bù chưa quyết toán với NSNN</i>	2.163.340.902	1.868.806.742
<i>Các đối tượng khác</i>	4.621.792.066	898.164.780
<b>Cộng</b>	<b>27.689.819.742</b>	<b>11.167.151.336</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	285.142.705.351	281.570.715.309
Công cụ, dụng cụ	932.732.333	1.262.872.876
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.897.068.919	2.554.581.006
Thành phẩm	34.563.253.412	156.135.237.863
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>323.535.760.015</b>	<b>441.523.407.054</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>323.535.760.015</b>	<b>441.523.407.054</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2014	143.553.480.509	723.365.782.879	25.796.517.806	5.748.420.007	497.526.810	898.961.728.011
Tăng trong năm	15.887.032.357	24.564.747.395	-	-	-	41.390.647.160
Mua trong năm		24.552.420.123				24.552.420.123
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.887.032.357					15.887.032.357
Tăng khác	938.867.408	12.327.272				951.194.680
Giảm trong năm	4.560.718.126	62.894.137.144	-	-	-	67.454.855.270
Giảm khác	4.560.718.126	62.894.137.144				67.454.855.270
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>154.879.794.740</b>	<b>685.036.393.130</b>	<b>25.796.517.806</b>	<b>5.748.420.007</b>	<b>497.526.810</b>	<b>872.897.519.901</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2014	110.621.499.830	712.571.063.024	25.796.517.806	5.748.420.007	439.664.572	855.177.165.239
Tăng trong năm	13.772.573.346	9.890.282.327	-	-	-	23.662.855.673
Khấu hao trong năm	13.772.573.346	9.890.282.327				23.662.855.673
Giảm trong năm	3.414.456.580	59.385.500.938	-	-	-	62.799.957.518
Giảm khác	3.414.456.580	59.385.500.938				62.799.957.518
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>120.979.616.596</b>	<b>663.075.844.413</b>	<b>25.796.517.806</b>	<b>5.748.420.007</b>	<b>439.664.572</b>	<b>816.040.063.394</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2014	32.931.980.679	10.794.719.855	-	-	57.862.238	43.784.562.772
Tại 31/12/2014	33.900.178.144	21.960.548.717	-	-	57.862.238	56.857.456.507

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

733.552.657.037

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	6.764.575.000	6.764.575.000
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	3.891.800.000	3.891.800.000
Giảm khác	3.891.800.000	3.891.800.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>2.872.775.000</b>	<b>2.872.775.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	5.315.960.555	5.315.960.555
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	2.443.185.555	2.443.185.555
Giảm khác (Theo kiến nghị của KTNN)	2.443.185.555	2.443.185.555
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>2.872.775.000</b>	<b>2.872.775.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	1.448.614.445	1.448.614.445
Tại 31/12/2014	-	-

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Nội dung	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang các công trình, hạng mục;</i>		
Dự án tái định cư	63.139.581.769	57.681.887.664
Dự án mở rộng nhà máy phân đạm Hà bắc	8.122.006.718.164	6.455.525.816.929
Hệ thống làm lạnh máy băng trục vít	-	1.276.233.433
Dự án Hệ thống thông tin Quản trị ERP	10.438.952.700	-
Công trình khác	1.289.174.774	978.140.222
<b>Cộng</b>	<b>8.196.874.427.407</b>	<b>6.515.462.078.248</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014		01/01/2014		
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con (1)					
Cty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	64,6%	5.423.000	54.230.000.000	5.423.000	54.230.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính			(256.707.591)		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang (2)	36%	342.000	3.420.000.000	342.000	3.420.000.000
- Cty CP Khí Hóa Lông (3)	36%	864.906	8.649.060.000		
Đầu tư dài hạn khác					
- Đầu tư vào cổ phiếu Vietinbank (*)				873.698	11.528.500.000
- Đầu tư Cty Tài chính CP Hóa chất (*)			-	608.000	12.000.000.000
<b>Tổng</b>		<b>6.629.906</b>	<b>66.042.352.409</b>	<b>7.246.698</b>	<b>81.178.500.000</b>

Thông tin về Công ty con và Công ty liên kết

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2014	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2014	Hoạt động kinh doanh chính
Cty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc (1)	Bắc Giang	64,56%	64,56%	Sản xuất Oxy già
Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang (2)	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất phân bón
Cty CP Khí Hóa Lông (3)	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất CO2

(\*) Thay đổi theo quyết định số 141/QĐ-HCVN ngày 13/5/2013 về việc phê duyệt phương án sắp xếp, tái cơ cấu Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc giai đoạn 2013-2015.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi tiết theo đối tượng	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	476.841.477	-
<b>Cộng</b>	<b>476.841.477</b>	<b>-</b>

**12. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	2.939.554.325
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.939.554.325</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	501.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Chi nhánh Bắc Giang	298.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- Chi nhánh Chi nhánh Bắc Giang	203.000.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	45.721.392.000	45.269.472.000
<b>Cộng</b>	<b>547.521.392.000</b>	<b>45.269.472.000</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang; thời hạn vay cho các khế ước nhận nợ là từ 4 - 6 tháng, lãi suất bình quân năm từ 7,5% đến 9% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.470.455	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.604.084.920	7.426.298.771
Thuế thu nhập cá nhân	486.100.656	562.220.771
Thuế tài nguyên	216.274.343	135.432.465
Các loại thuế khác	5.048.540.689	10.425.171.429
<b>Cộng</b>	<b>14.373.471.063</b>	<b>18.549.123.436</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	519.719.564	885.609.917
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.642.496.837	1.300.197.399
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.348.400.700	152.069.574.331
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	7.635.545.476	
Lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn HCVN	26.800.637.021	149.996.497.513
Khác	5.912.218.203	2.073.076.818
<b>Cộng</b>	<b>42.510.617.101</b>	<b>154.255.381.647</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công thương BG và các NH đồng tài trợ (a)	2.719.395.298.220	2.154.252.046.310
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (b)	3.205.413.000.000	3.031.113.000.000
Vay đối tượng khác	12.490.000	12.490.000
Nợ dài hạn		
Nợ dài hạn khác (c)	182.885.568.000	226.347.360.000
<b>Cộng</b>	<b>6.107.706.356.220</b>	<b>5.411.724.896.310</b>

(a) Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang

Hợp đồng tín dụng số : 02.68/2010/HĐTĐ ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 30.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (Indovina, Á châu, CATHAY UNITED)

Hợp đồng tín dụng số : 01.68/2010/HĐTĐ ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 192.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

(b) Hợp đồng tín dụng số: Số: 45 /2008/HĐTĐĐT- NHPT ngày 11/9/2008

Số tiền vay : 4.125 tỷ đồng

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 12 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

(c) Hợp đồng tín dụng số: Số: 01/ TDNN ngày 19/5/2003

Số tiền vay : 21.520.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư cải tạo kỹ thuật nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : Thời hạn vay 20 năm kể từ 01/07/2000

Lãi suất : 0%. Phí cho vay lại 0,2%/năm

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>1.113.580.694.225</b>	<b>520.500.202.132</b>	<b>201.335.673.362</b>	<b>384.721.189.975</b>	<b>2.183.528.080</b>	<b>2.222.321.287.774</b>
Tăng trong năm	-	367.026.994.164	38.472.118.998	228.123.922.243	-	633.623.035.405
Phân phối lợi nhuận năm trước		58.782.025.131	38.472.118.998			97.254.144.129
Tạm phối lợi nhuận năm nay		68.437.176.673				68.437.176.673
Lãi năm nay				227.156.953.938		227.156.953.938
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC		239.807.792.360				239.807.792.360
LN tăng thêm năm 2012 do kết quả của thanh tra bộ tài chính				966.968.305		966.968.305
<b>Giảm nguồn vốn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>239.807.792.360</b>	<b>612.845.112.218</b>	<b>-</b>	<b>1.237.374.094.554</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước liền kề				384.721.189.976		384.721.189.976
Tạm phối lợi nhuận năm trước				228.123.922.242		228.123.922.242
Điều chỉnh theo Thông			239.807.792.360			239.807.792.360
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>1.113.580.694.225</b>	<b>887.527.196.296</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.183.528.080</b>	<b>1.618.570.228.625</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>1.113.580.694.225</b>	<b>887.527.196.296</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.183.528.080</b>	<b>2.003.291.418.601</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.074.419.305.775</b>	<b>2.532.336.247</b>	<b>-</b>	<b>105.354.344.332</b>	<b>-</b>	<b>1.182.305.986.354</b>
Tăng vốn trong năm	185.000.000.000					185.000.000.000
Tạm phối lợi nhuận năm nay		2.532.336.247				2.532.336.247
Lãi năm nay				105.354.344.332		105.354.344.332
Kết chuyển nguồn	889.419.305.775					889.419.305.775
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>887.235.777.695</b>	<b>-</b>	<b>73.748.041.032</b>	<b>2.183.528.080</b>	<b>963.167.346.807</b>
Kết chuyển nguồn		887.235.777.695			2.183.528.080	889.419.305.775
Phân phối lợi nhuận năm nay						-
<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp nộp về Tập đoàn</i>				20.891.852.444		20.891.852.444
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>				52.624.713.588		52.624.713.588
<i>Trích thường ban quản lý điều hành</i>				231.475.000		231.475.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>2.188.000.000.000</b>	<b>2.823.754.848</b>	<b>-</b>	<b>31.606.303.300</b>	<b>-</b>	<b>2.222.430.058.148</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	2.188.000.000.000	1.113.580.694.225
Vốn góp của đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>2.188.000.000.000</b>	<b>1.113.580.694.225</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
Vốn góp tăng trong năm	1.074.419.305.775	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.188.000.000.000</b>	<b>1.113.580.694.225</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>180.000.000.000</b>

**17.4 Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	2.823.754.848	887.527.196.296

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	1.813.696.071.245	1.842.435.022.499
<b>Cộng</b>	<b>1.813.696.071.245</b>	<b>1.842.435.022.499</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần	1.813.696.071.245	1.842.435.022.499
<b>Cộng</b>	<b>1.813.696.071.245</b>	<b>1.842.435.022.499</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.610.226.828.954	1.507.981.563.330
<b>Cộng</b>	<b>1.610.226.828.954</b>	<b>1.507.981.563.330</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.134.095.203	101.696.134.528
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.070.698.000	5.679.120.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.949.955.096	1.544.751.193
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.922.907.593	1.955.158.200
<b>Cộng</b>	<b>70.077.655.892</b>	<b>110.875.164.721</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	7.775.454.775	619.437.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.336.374.861	24.972.389.926
Chi phí hoạt động tài chính khác	256.707.591	-
<b>Cộng</b>	<b>64.368.537.227</b>	<b>25.591.827.131</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	27.498.997.282	73.327.194.788
<b>Cộng</b>	<b>27.498.997.282</b>	<b>73.327.194.788</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>135.792.895.939</b>	<b>300.974.074.446</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.000.000	128.000.000
<i>Khoản chi không được trừ theo quy định</i>	<i>3.000.000</i>	<i>128.000.000</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	15.466.631.993	7.793.295.296
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại	13.361.610.568	1.959.702.880
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.070.698.000	5.679.120.800
- Chênh lệch tỷ giá	34.323.425	154.471.616
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>120.329.263.946</b>	<b>293.308.779.150</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế TNDN thuế suất 25%	8.554.660.111	
Thuế TNDN thuế suất 22%	18.944.337.171	73.327.194.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>27.498.997.282</b>	<b>73.327.194.788</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.939.554.325	489.925.720
<b>Cộng</b>	<b>2.939.554.325</b>	<b>489.925.720</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.150.864.311.704	1.271.192.872.050
Chi phí nhân công	210.498.854.355	222.387.290.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.136.978.555	23.662.855.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.578.235.037	32.511.614.860
Chi phí khác bằng tiền	74.130.739.584	77.063.513.358
<b>Cộng</b>	<b>1.488.209.119.235</b>	<b>1.626.818.146.765</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )***26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.*

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2014</b>
Cy CP Hóa chất Hưng phát hà Bắc	Công ty Con	Bán phân đạm, HC	25.584.107.690
Cty CP XNK phân bón Bắc Giang	Công ty Liên kết	Bán phân đạm, HC	61.680.780.232
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	6.008.100.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	71.400.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	3.865.295.500
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	1.206.506.830
Công ty CP thiết kế CN Hóa chất	Cùng Tập đoàn	Sửa chữa	75.700.005
Cty TNHH MTV DAP - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	Bán NH3	7.875.705.388
Công ty CP DAP - VINACHEM số 2	Cùng Tập đoàn	Bán NH3	25.689.109.500
Cty TNHH MTV VT &XNK HC	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	410.000.000

**Số dư cuối năm khoản công nợ phải thu với các bên liên quan như sau**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
Cty CP Hóa chất Hưng phát hà Bắc	Công ty Con	Bán phân đạm	4.603.753.336
Cty CP XNK phân bón Bắc Giang	Công ty Liên kết	Bán phân đạm	3.278.438.907
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	(1.177.000)
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	(1.135.071.600)
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	265.683.110
Công ty CP DAP - VINACHEM số 2	Cùng Tập đoàn	Bán NH3	28.219.960.450

*Ghi chú: Số ( ) thể hiện giá trị khoản phải trả*

Thu nhập của Ban Lãnh đạo Công ty trong năm 2014 bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 2.120.260.000 đồng.

**27. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**28. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay (chỉ bao gồm cả vay ngắn hạn vì vay dài hạn được vốn hóa vào tài sản đầu tư) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Vay ngắn hạn	Tăng /giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>		
Vay bằng đồng Việt Nam và đồng USD	+ 200	(10.950.427.840)
Vay bằng đồng Việt Nam và đồng USD	- 200	10.950.427.840
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		
Vay bằng đồng Việt Nam và đồng USD	+ 200	905.389.440
Vay bằng đồng Việt Nam và đồng USD	- 200	(905.389.440)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản được dùng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tài khoản tiền	77.104,89	314.556,66
Tài khoản vay	(137.943.419,00)	(115.081.886,00)
<b>Cộng</b>	<b>(137.866.314,11)</b>	<b>(114.767.329,34)</b>
<i>Ngoại tệ</i>	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tỷ giá	21.375	20.828,00
<i>Thay đổi tỷ giá tăng</i>	1%	1%
Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND	(29.468.924.641)	(23.903.739.355)
<i>Thay đổi tỷ giá giảm</i>	1%	5%
Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND	29.468.924.641	(23.903.739.355)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào giá cổ phiếu. Hội đồng thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đã đánh giá về giá cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 257 triệu đồng.

*Rủi ro về hàng hóa*

Công ty có rủi ro về hàng hóa do thực hiện mua một số hàng hóa nhất định. Công ty thực hiện quản lý rủi ro hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống	Dưới 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	547.521.392.000		6.107.706.356.220	6.655.227.748.220
Phải trả người bán	370.414.914.071			370.414.914.071
Các khoản phải trả khác	42.510.617.101			42.510.617.101
<b>Cộng</b>	<b>960.446.923.172</b>	<b>-</b>	<b>6.107.706.356.220</b>	<b>7.068.153.279.392</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	45.269.472.000		5.411.724.896.310	5.456.994.368.310
Phải trả người bán	236.812.091.815			236.812.091.815
Các khoản phải trả khác	154.255.381.647			154.255.381.647
<b>Cộng</b>	<b>436.336.945.462</b>	<b>-</b>	<b>5.411.724.896.310</b>	<b>5.848.061.841.772</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không sử dụng các tài sản đảm bảo cho các khoản vay vì đều là vay tín chấp.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

<i>A Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
Tiền và tương đương tiền	647.943.997.112	981.416.861.009	647.943.997.112	981.416.861.009
Tài sản sẵn sàng để bán				
<i>Trong đó:</i>				
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>	<i>10.811.111.111</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.811.111.111</i>	<i>10.000.000.000</i>
Phải thu khách hàng	150.701.290.179	24.959.216.191	150.542.795.679	24.800.721.691
<i>Trong đó; Dự phòng</i>	<i>(158.494.500)</i>	<i>(158.494.500)</i>		
Các khoản phải thu khác	27.689.819.742	11.167.151.336	27.689.819.742	11.167.151.336
<b>Cộng</b>	<b>836.987.723.644</b>	<b>1.027.384.734.036</b>	<b>836.987.723.644</b>	<b>1.027.384.734.036</b>

<i>B. Nợ phải trả tài chính</i>	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
Vay và nợ	6.655.227.748.220	5.456.994.368.310	6.655.227.748.220	5.456.994.368.310
Phải trả người bán	370.414.914.071	236.812.091.815	370.414.914.071	236.812.091.815
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	42.510.617.101	154.255.381.647	42.510.617.101	154.255.381.647
<b>Cộng</b>	<b>7.068.153.279.392</b>	<b>5.848.061.841.772</b>	<b>7.068.153.279.392</b>	<b>5.848.061.841.772</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**31. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất các sản phẩm phân bón theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty xác định lại là không trình bày báo cáo theo bộ phận tại báo cáo này.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 08/9/2014, Chủ tịch Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Quyết định số 357/QĐ-HCVN về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là 01/01/2015.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

**CHỨNG THỰC**  
 BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
 SỐ CHỨNG THỰC 7999... QUYỀN SỐ 04.SCT-BS  
 Ngày 15... tháng 9... năm 2015...



*Nguyễn Thu Nga*

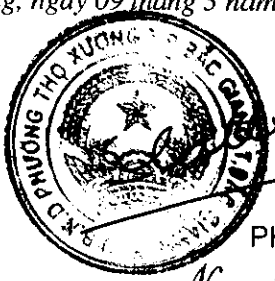
*Hà Xuân Hán*

*Đỗ Doãn Hùng*

**Nguyễn Thu Nga**  
 Người lập biểu  
 Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

**Hà Xuân Hán**  
 Kế toán trưởng

**Đỗ Doãn Hùng**  
 Tổng Giám đốc



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Thị Hoài Châu*